

Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018



Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Hội đồng Quản trị	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán riêng	5 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	11 - 54

Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4703000375 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp vào ngày 6 tháng 4 năm 2007 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh sau đó.

Hoạt động chính đăng ký của Công ty là sản xuất và lắp ráp xe thương mại, xe du lịch và ô tô khách; sửa chữa, bảo trì, bán phụ tùng các loại xe ô tô; xây dựng công trình công nghiệp và giao thông; mua bán xe ô tô và xe có động cơ; mua bán máy san ủi, trải nhựa, rải đường, máy trộn bê tông, máy kéo bánh xích; mua bán máy nông ngư cơ, máy móc, thiết bị công nghiệp và nông nghiệp; dịch vụ thiết kế công nghiệp, máy móc, xe cộ; và bán lẻ nhiên liệu động cơ.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 19, Khu Công nghiệp Biên Hòa II, Đường 2A, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam và có văn phòng đại diện tại Số 80 Đường Nguyễn Văn Trỗi, Phường 8, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty còn có 52 chi nhánh tại các tỉnh thành khác của Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trần Bá Dương	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Hùng Minh	Phó Chủ tịch Thường trực	
Bà Viên Diệu Hoa	Thành viên	
Ông Cheah Kim Teck	Thành viên	
Ông Lê Trọng Sánh	Thành viên	
Ông Adrian Teng	Thành viên	
Ông Mai Phước Nghê	Thành viên	
Bà Nguyễn Thiện Mỹ	Thành viên	
Ông Phạm Văn Tài	Thành viên	bổ nhiệm ngày 19 tháng 4 năm 2018
Ông Bùi Kim Kha	Thành viên	từ nhiệm ngày 1 tháng 4 năm 2018

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Phúc Thịnh	Trưởng ban
Ông Đặng Công Trực	Thành viên
Bà Huỳnh Thị Thanh Thảo	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Hùng Minh	Phó Chủ tịch Thường trực	
Ông Nguyễn Hùng Minh	Tổng Giám đốc	từ nhiệm ngày 19 tháng 4 năm 2018
Ông Phạm Văn Tài	Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 19 tháng 4 năm 2018
Ông Mai Phước Nghê	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Nguyễn Thiện Mỹ	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Trần Bảo Sơn	Phó Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 19 tháng 4 năm 2018
Ông Thái Duy Hùng	Phó Tổng Giám đốc	từ nhiệm ngày 19 tháng 4 năm 2018
Ông Bùi Kim Kha	Phó Tổng Giám đốc	từ nhiệm ngày 18 tháng 10 năm 2018

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Trần Bá Dương.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải ("Công ty") trân trọng trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng cho từng từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng kèm theo.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Chúng tôi phê duyệt báo cáo tài chính riêng kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty có các công ty con như được trình bày trong báo cáo tài chính riêng. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 đề ngày 28 tháng 3 năm 2019.

Người sử dụng nên đọc báo cáo tài chính riêng này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 để có được thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn.

Thay mặt Hội đồng Quản trị:



Trần Bá Dương
Chủ tịch

Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Ngày 29 tháng 3 năm 2019

Số tham chiếu: 61005161/20237558

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải (“Công ty”) được lập ngày 29 tháng 3 năm 2019 và được trình bày từ trang 5 đến trang 54, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng vào ngày 31 tháng 12 năm 2018, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng đính kèm.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh số 2.1 của báo cáo tài chính riêng. Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất này và báo cáo kiểm toán độc lập của chúng tôi đề ngày 29 tháng 3 năm 2019 đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Dương Lê Anthony
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 2223-2018-004-1



Nguyễn Quốc Hoàng
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 2787-2016-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 3 năm 2019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Ngàn VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		18.478.339.161	9.053.434.391
110	I. Tiền	4	94.833.376	55.347.383
111	1. Tiền		94.833.376	55.347.383
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		2.562.934.174	462.029.308
121	1. Chứng khoán kinh doanh	5.1	176.645.721	300.322.358
123	2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5.2	2.386.288.453	161.706.950
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		12.128.902.472	7.107.033.165
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	1.736.794.206	1.418.883.846
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	7	3.173.845.608	1.140.083.263
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	8	3.244.879.900	763.601.528
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	9	3.997.067.028	3.790.053.023
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6, 8	(23.801.744)	(5.668.348)
139	6. Tài sản thiếu chờ xử lý		117.474	79.853
140	IV. Hàng tồn kho	10	3.318.187.832	1.297.993.195
141	1. Hàng tồn kho		3.319.750.286	1.299.714.379
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(1.562.454)	(1.721.184)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		373.481.307	131.031.340
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	11	84.936.480	26.026.579
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ	19	288.544.827	91.182.796
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	19	-	13.821.965

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018


Ngàn VND

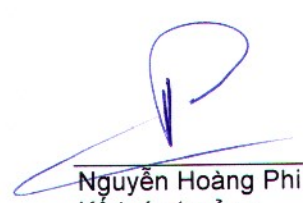
Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		27.857.319.580	22.455.575.233
210	I. Khoản phải thu dài hạn		38.258.300	1.424.092.598
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	12	14.850.000	30.827.949
216	2. Phải thu dài hạn khác	9	23.408.300	1.393.264.649
220	II. Tài sản cố định		5.134.856.176	4.760.245.484
221	1. Tài sản cố định hữu hình	13	1.251.589.930	864.536.487
222	Nguyên giá		2.007.402.639	1.433.220.287
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(755.812.709)	(568.683.800)
227	2. Tài sản cố định vô hình	14	3.883.266.246	3.895.708.997
228	Nguyên giá		4.040.980.722	4.000.711.818
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(157.714.476)	(105.002.821)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		1.633.671.691	589.060.048
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	15	1.633.671.691	589.060.048
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn	16	20.920.404.417	15.565.469.615
251	1. Đầu tư vào công ty con	16.1	20.975.242.790	15.591.896.886
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết	16.2	7.140.000	7.140.000
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	16.3	62.500.369	62.500.369
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(124.478.742)	(96.067.640)
260	V. Tài sản dài hạn khác		130.128.996	116.707.488
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	129.450.940	116.036.689
262	2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	31.3	678.056	670.799
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		46.335.658.741	31.509.009.624


BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Ngàn VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		19.236.456.747	6.755.920.862
310	I. Nợ ngắn hạn		19.232.308.482	6.752.566.869
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	17	6.159.904.855	2.412.316.806
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	18	2.558.002.625	400.401.043
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	19	30.115.963	23.383.053
314	4. Phải trả người lao động		2.860.419	-
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	20	118.921.403	106.246.789
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		1.275.009	798.436
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	21	212.247.655	229.651.483
320	8. Vay ngắn hạn	22	10.148.818.826	3.579.607.532
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		161.727	161.727
330	II. Nợ dài hạn		4.148.265	3.353.993
336	1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn		757.983	-
342	2. Dự phòng phải trả dài hạn		3.390.282	3.353.993
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		27.099.201.994	24.753.088.762
410	I. Vốn chủ sở hữu		27.099.201.994	24.753.088.762
411	1. Vốn cổ phần	23.1	16.580.000.000	16.580.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		16.580.000.000	16.580.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần	23.1	29.878.837	29.878.837
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	23.1	10.489.323.157	8.143.209.925
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		4.164.009.925	3.661.441.007
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm này		6.325.313.232	4.481.768.918
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		46.335.658.741	31.509.009.624


Đỗ Thị Liên Chi
Người lập


Nguyễn Hoàng Phi
Kế toán trưởng


Trần Bá Dương
Chủ tịch




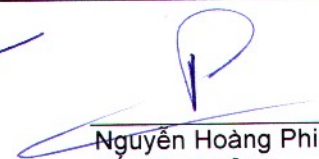
Ngày 29 tháng 3 năm 2019

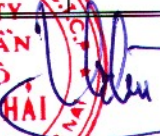
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Ngàn VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	24.1	45.637.197.478	31.643.141.978
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	24.1	(214.362)	(314.998)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	24.1	45.636.983.116	31.642.826.980
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	25	(43.664.618.015)	(30.448.487.412)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.972.365.101	1.194.339.568
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	24.2	6.312.479.727	4.569.963.905
22	7. Chi phí tài chính	26	(504.172.575)	(250.935.474)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay	26	(205.167.942)	(85.322.200)
25	8. Chi phí bán hàng	27	(726.549.201)	(531.231.029)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	28	(737.027.538)	(525.380.605)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		6.317.095.514	4.456.756.365
31	11. Thu nhập khác	29	187.760.258	158.135.114
32	12. Chi phí khác	29	(90.252.188)	(126.775.040)
40	13. Lợi nhuận khác	29	97.508.070	31.360.074
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		6.414.603.584	4.488.116.439
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	31.1	(89.297.609)	2.031.816
52	16. Thu nhập (chi phí) thuế TNDN hoãn lại	31.3	7.257	(8.379.337)
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		6.325.313.232	4.481.768.918


Đỗ Thị Liên Chi
Người lập


Nguyễn Hoàng Phi
Kế toán trưởng


Trần Bá Dương
Chủ tịch



Ngày 29 tháng 3 năm 2019

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018


Ngàn VND


Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
	Lợi nhuận kế toán trước thuế		6.414.603.584	4.488.116.439
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn tài sản cố định	13, 14	243.426.245	186.826.612
03	Trích lập (hoàn nhập) các khoản dự phòng		46.385.769	(11.824.238)
04	Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		57.011.222	1.852.637
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(6.097.934.716)	(4.394.949.676)
06	Chi phí lãi vay	26	205.167.942	85.322.200
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		868.660.046	355.343.974
09	Tăng các khoản phải thu		(2.752.387.056)	(1.152.517.730)
10	Tăng hàng tồn kho		(2.135.589.835)	(143.928.296)
11	Tăng các khoản phải trả		7.056.218.405	658.189.316
12	(Tăng) giảm chi phí trả trước		(71.067.910)	15.562.372
13	Giảm chứng khoán kinh doanh		123.676.637	-
14	Tiền lãi vay đã trả		(186.855.303)	(83.771.307)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	19	(77.159.805)	(53.087.671)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động kinh doanh		2.825.495.179	(404.209.342)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm và xây dựng tài sản cố định ("TSCĐ")		(1.259.284.524)	(674.991.375)
22	Tiền thu do thanh lý TSCĐ		6.827.471	883.167
23	Gửi tiết kiệm ngân hàng và cho đơn vị khác vay		(6.907.811.243)	(716.286.079)
24	Tiền thu hồi khoản cho vay		2.217.929.317	936.000
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(5.178.689.766)	(1.594.077.528)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		25.561.703	14.100.000
27	Tiền thu lãi tiền gửi, cho vay và cổ tức nhận được		5.718.927.603	4.386.119.320
30	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động đầu tư		(5.376.539.439)	1.416.683.505


BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Ngàn VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu		-	22.500.000
33	Tiền thu từ đi vay		14.420.812.108	8.033.395.778
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(7.858.993.882)	(6.775.760.631)
36	Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu	23.4	(3.971.319.684)	(2.485.935.561)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng) vào hoạt động tài chính		2.590.498.542	(1.205.800.414)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		39.454.282	(193.326.251)
60	Tiền đầu năm		55.347.383	248.674.687
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		31.711	(1.053)
70	Tiền cuối năm	4	94.833.376	55.347.383


Đỗ Thị Liên Chi
Người lập


Nguyễn Hoàng Phi
Kế toán trưởng


Trần Bá Dương
Chủ tịch



Ngày 29 tháng 3 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4703000375 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp vào ngày 6 tháng 4 năm 2007 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh sau đó.

Hoạt động chính đăng ký của Công ty là sản xuất và lắp ráp xe thương mại, xe du lịch và ô tô khách; sửa chữa, bảo trì, bán phụ tùng các loại xe ô tô; xây dựng công trình công nghiệp và giao thông; mua bán xe ô tô và xe có động cơ; mua bán máy san ủi, trải nhựa, rải đường, máy trộn bê tông, máy kéo bánh xích; mua bán máy nông ngư cơ, máy móc, thiết bị công nghiệp và nông nghiệp; dịch vụ thiết kế công nghiệp, máy móc, xe cộ; và bán lẻ nhiên liệu động cơ.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 19, Khu Công nghiệp Biên Hòa II, Đường 2A, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam và có văn phòng đại diện tại Số 80 Đường Nguyễn Văn Trỗi, Phường 8, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty còn có 52 chi nhánh tại các tỉnh thành khác của Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 6.265 người (31 tháng 12 năm 2017: 5.302 người).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng

Công ty có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 16.1. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 đề ngày 28 tháng 3 năm 2019.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con.

2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được trình bày bằng ngàn đồng Việt Nam ("ngàn VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 - Báo cáo tài chính và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng của Công ty là kế toán trên máy vi tính.

2.4 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.5 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và tiền đang chuyển.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí, điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu, phụ tùng thay thế, và công cụ, dụng cụ	- giá vốn thực tế theo phương pháp bình quân gia quyền.
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	- giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan.
Xe các loại	- giá mua theo phương pháp thực tế đích danh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa thu tiền thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.5 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình khi Công ty nắm giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguyên giá của quyền sử dụng đất bao gồm tất cả chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

3.7 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 50 năm
Máy móc và thiết bị	3 - 10 năm
Phương tiện vận tải	6 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 10 năm
Phần mềm máy tính và bản quyền	3 - 8 năm
Tài sản khác	3 - 8 năm

Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu trừ theo số năm phù hợp với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trong khi quyền sử dụng đất lâu dài sẽ không được trích hao mòn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng các phòng trưng bày và trung tâm thương mại xe của Công ty mà các công trình này chưa được hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

3.9 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm, ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

3.10 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

3.11 Đầu tư vào công ty con

Khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

3.12 Đầu tư vào công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

3.13 Chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư khác

Chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo giá gốc.

3.14 Dự phòng các khoản đầu tư

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành lần lượt vào ngày 7 tháng 12 năm 2009 và ngày 28 tháng 6 năm 2013. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.15 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 *Trợ cấp thôi việc phải trả*

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng tính đến ngày lập bảng cân đối kế toán riêng theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Luật Lao động và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng dùng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi niên độ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

3.17 *Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ*

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty VND được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch; và
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày của bảng cân đối kế toán riêng theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.18 *Cổ phiếu quỹ*

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi, lỗ khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.19 *Phân chia lợi nhuận*

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên. Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.20 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua.

Thu nhập cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu được ghi nhận khi hoàn thành việc cung cấp dịch vụ.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

3.21 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính riêng.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có thu nhập chịu thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ thu nhập chịu thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ thu nhập chịu thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.21 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán năm khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế.

3.22 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

4. TIỀN

	<i>Ngàn VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Tiền mặt	42.969.043	8.848.178
Tiền gửi ngân hàng	51.864.333	43.775.685
Tiền đang chuyển	-	2.723.520
TỔNG CỘNG	94.833.376	55.347.383

Các thông tin bổ sung về lưu chuyển tiền tệ riêng:

	<i>Ngàn VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Các giao dịch không bằng tiền trọng yếu được loại ra khỏi báo cáo lưu chuyển tiền tệ:		
Lợi nhuận chuyển về từ các công ty con được cân trừ với công nợ	1.536.553.044	1.271.215.620

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

5. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

5.1 Chứng khoán kinh doanh

	Số cuối năm			Số đầu năm			Ngàn VND
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	
	Đầu tư ủy thác vào cổ phiếu	<u>176.645.721</u>	-	<u>176.645.721</u>	<u>300.322.358</u>	-	<u>300.322.358</u>

5.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm		Ngàn VND
Trái phiếu chuyển đổi (i) (Thuyết minh số 32)	2.216.880.000	-			
Tiền gửi ngân hàng ngắn hạn (ii)	<u>169.408.453</u>		<u>161.706.950</u>		
TỔNG CỘNG	<u>2.386.288.453</u>		<u>161.706.950</u>		

Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

5. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN (tiếp theo)

5.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (tiếp theo)

(i) Chi tiết trái phiếu chuyển đổi vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 được trình bày như sau:

Tổ chức thu xếp phát hành	Tổ chức phát hành	Số cuối năm	Ngày đáo hạn	Lãi suất %/ năm	Mục đích	Tài sản đảm bảo
Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT	Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai ("HA Agrico")	2.216.880.000 Ngân VND	Ngày 8 tháng 8 năm 2019	0%	Đầu tư các dự án nông nghiệp và tài cấu trúc tài chính của HA Agrico	Không có tài sản đảm bảo

Theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị số 11/2018/NQ-HĐQT/THACO ngày 2 tháng 8 năm 2018, Hội đồng Quản trị của Công ty đã thông qua việc mua 221.688 trái phiếu chuyển đổi do HA Agrico phát hành với mệnh giá là 10.000.000 VND/trái phiếu. Theo đó, Công ty và HA Agrico đã ký kết Hợp đồng mua bán trái phiếu chuyển đổi số 01/2018 ngày 3 tháng 8 năm 2018 ("Hợp đồng") và Công ty đã hoàn tất việc mua toàn bộ số lượng trái phiếu chuyển đổi nêu trên vào ngày 8 tháng 8 năm 2018. Theo các điều khoản của Hợp đồng, Công ty có quyền chuyển nhượng, cho hoặc tặng các trái phiếu trong suốt thời gian nắm giữ trái phiếu.

Vào ngày đáo hạn của trái phiếu chuyển đổi, HA Agrico sẽ xin phê duyệt của các cơ quan có thẩm quyền để phát hành một lượng cổ phiếu nhằm chuyển đổi số lượng trái phiếu mà HA Agrico đã phát hành.

(ii) Khoản này thể hiện các khoản tiền gửi tại Ngân Hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - Chi nhánh TP Hồ Chí Minh ("Shinhan Việt Nam") có thời hạn gốc từ ba (3) tháng trở lên và không quá một (1) năm, và hưởng lãi suất tiền gửi có thể áp dụng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, các khoản tiền gửi này đang được bảo lãnh cho các khoản vay của Công ty TNHH MTV Soosung Motors Technology, công ty con của Công ty, tại Ngân hàng Shinhan Hàn Quốc.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Ngàn VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Bên khác	1.632.911.238	1.372.174.637
Bên liên quan (<i>Thuyết minh số 32</i>)	103.882.968	46.709.209
TỔNG CỘNG	1.736.794.206	1.418.883.846
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(2.758.947)	(603.500)
GIÁ TRỊ THUẦN	1.734.035.259	1.418.280.346

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	Ngàn VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Số đầu năm	(603.500)	(610.488)
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	(2.233.947)	(78.500)
Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong năm	78.500	85.488
Số cuối năm	(2.758.947)	(603.500)

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Ngàn VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước mua cổ phiếu (i)	1.554.528.174	232.000.000
Trả trước mua hàng hóa và dịch vụ	997.466.588	64.981.196
Trả trước mua quyền sử dụng đất	621.840.712	699.236.447
Trả trước đầu tư phòng trưng bày và tài sản	10.134	143.865.620
TỔNG CỘNG	3.173.845.608	1.140.083.263

Trong đó:

<i>Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng hợp Hà Nội</i>	170.000.000	170.000.000
<i>Bên liên quan (Thuyết minh số 32)</i>	708.068.386	12.269.690
<i>Khác</i>	2.295.777.222	957.813.573

- (i) Bao gồm trong khoản đặt cọc mua cổ phần là khoản tiền đặt cọc theo Hợp đồng Đặt cọc số 01/2018/HDDC/NAP-THACO ngày 3 tháng 8 năm 2018 với một đối tác cá nhân với số tiền là 697.000.000.000 VND để mua 69.700.000 cổ phiếu của một công ty cổ phần niêm yết.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

8. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
		Ngàn VND
Cho vay bên liên quan (<i>Thuyết minh số 32</i>)	3.125.837.103	660.536.680
Cho vay bên khác	119.042.797	103.064.848
- Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ngọc Thy	98.000.000	98.000.000
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Ô tô Hoàng Gia	15.977.949	-
- Khác	5.064.848	5.064.848
TỔNG CỘNG	3.244.879.900	763.601.528
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(21.042.797)	(5.064.848)
GIÁ TRỊ THUẦN	3.223.837.103	758.536.680

9. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
		Ngàn VND
Ngắn hạn		
Lợi nhuận được chia từ các công ty con	1.659.726.779	1.260.536.688
Tạm ứng cho nhân viên (i)	1.162.307.775	874.498.386
Thanh toán cho LC ủy thác	992.416.317	971.119.884
Lãi cho vay	51.856.273	2.994.850
Thanh toán cho dự án Fuso	38.674.770	608.378.041
Thanh toán khác cho các công ty con	28.198.669	6.862.059
Ký quỹ mở thư tín dụng	16.584.649	9.511.108
Khác	47.301.796	56.152.007
TỔNG CỘNG	3.997.067.028	3.790.053.023
<i>Trong đó:</i>		
<i>Bên liên quan (Thuyết minh số 32)</i>	2.787.161.457	2.881.192.005
<i>Bên khác</i>	1.209.905.571	908.861.018
Dài hạn		
Ký quỹ, ký cược	10.837.305	11.295.944
Ứng tiền xây dựng văn phòng	12.570.995	1.381.968.705
TỔNG CỘNG	23.408.300	1.393.264.649
<i>Trong đó:</i>		
<i>Bên liên quan (Thuyết minh số 32)</i>	12.570.995	1.381.968.705
<i>Bên khác</i>	10.837.305	11.295.944

(i) Đây là các khoản tạm ứng để phục vụ cho hoạt động kinh doanh của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. HÀNG TỒN KHO

	Ngàn VND			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng hóa và xe các loại	2.903.644.745	(666.663)	1.058.929.694	(721.239)
Hàng mua đang đi trên đường	219.170.321	-	79.430.891	-
Nguyên vật liệu	174.044.095	(895.791)	144.801.173	(999.945)
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	12.187.178	-	6.768.048	-
Công cụ, dụng cụ	10.703.947	-	9.784.573	-
TỔNG CỘNG	<u>3.319.750.286</u>	<u>(1.562.454)</u>	<u>1.299.714.379</u>	<u>(1.721.184)</u>

Tình hình tăng giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho

	Ngàn VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	1.721.184	1.403.805
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	715.687	1.067.607
Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong năm	(680.443)	(750.228)
Xóa sổ dự phòng trong năm	(193.974)	-
Số cuối năm	<u>1.562.454</u>	<u>1.721.184</u>

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Ngàn VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	84.936.480	26.026.579
Chi phí thuê nhà xưởng, văn phòng	43.643.588	1.828.245
Công cụ, dụng cụ đang dùng	24.462.321	14.262.427
Chi phí quảng cáo	5.002.487	3.405.913
Chi phí bảo trì	2.549.651	1.913.788
Khác	9.278.433	4.616.206
Dài hạn	129.450.940	116.036.689
Chi phí bảo trì	29.665.797	38.263.854
Công cụ, dụng cụ đang dùng	42.678.431	28.738.687
Chi phí bồi thường	31.686.519	34.546.577
Chi phí thuê văn phòng và đất	21.352.983	10.770.617
Khác	4.067.210	3.716.954
TỔNG CỘNG	<u>214.387.420</u>	<u>142.063.268</u>

12. PHẢI THU VỀ CHO VAY DÀI HẠN

Đây là khoản tiền Công ty cho một cá nhân và một tổ chức vay theo hợp đồng vay tiền ngày 24 tháng 11 năm 2017 với tổng số tiền là 14.850.000 ngàn VND trong thời hạn 3 năm và không có tài sản đảm bảo.

Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

13. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tài sản khác	Tổng cộng
Nguyên giá:						
Số đầu năm	1.061.990.296	76.365.300	200.649.433	81.690.554	12.524.704	1.433.220.287
Mua mới trong năm	6.113.290	46.418.046	41.670.302	29.037.266	3.757.300	126.996.204
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	320.511.940	2.382.548	133.872.790	129.609	638.319	457.535.206
Thanh lý	(222.486)	(461.821)	(9.487.934)	(98.000)	(78.817)	(10.349.058)
Số cuối năm	1.388.393.040	124.704.073	366.704.591	110.759.429	16.841.506	2.007.402.639
Trong đó:						
Đã khấu hao hết	71.725.306	26.630.882	49.313.960	40.846.843	3.007.815	191.524.806
Giá trị khấu hao lũy kế:						
Số đầu năm	371.169.726	39.960.697	99.229.984	52.557.838	5.765.555	568.683.800
Khấu hao trong năm	111.937.931	15.106.649	41.905.672	18.903.258	2.861.080	190.714.590
Thanh lý	(222.486)	(273.879)	(2.912.497)	(98.000)	(78.819)	(3.585.681)
Số cuối năm	482.885.171	54.793.467	138.223.159	71.363.096	8.547.816	755.812.709
Giá trị còn lại:						
Số đầu năm	690.820.570	36.404.603	101.419.449	29.132.716	6.759.149	864.536.487
Số cuối năm	905.507.869	69.910.606	228.481.432	39.396.333	8.293.690	1.251.589.930

Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

14. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VỐ HÌNH

	Quyền sử dụng đất vô thời hạn	Quyền sử dụng đất có thời hạn	Phần mềm máy tính	Bản quyền	Tổng cộng
Nguyên giá:					
Số đầu năm	2.650.367.592	1.325.610.388	24.312.660	421.178	4.000.711.818
Mua mới trong năm	-	-	7.986.458	-	7.986.458
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	32.282.446	-	-	32.282.446
Số cuối năm	2.650.367.592	1.357.892.834	32.299.118	421.178	4.040.980.722
Trong đó:					
Đã hao mòn hết	-	2.113.947	14.115.599	421.178	16.650.724
Giá trị hao mòn lũy kế:					
Số đầu năm	-	87.514.904	17.066.739	421.178	105.002.821
Hao mòn trong năm	-	48.058.522	4.653.133	-	52.711.655
Số cuối năm	-	135.573.426	21.719.872	421.178	157.714.476
Giá trị còn lại:					
Số đầu năm	2.650.367.592	1.238.095.484	7.245.921	-	3.895.708.997
Số cuối năm	2.650.367.592	1.222.319.408	10.579.246	-	3.883.266.246

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

15. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Ngàn VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Hệ thống phòng trưng bày xe ô tô	678.535.286	302.006.675
Trung tâm thương mại xe	435.334.356	263.814.850
Dự án Cầu vượt nút giao giữa Quốc lộ 1A và đường sắt Bắc Nam, Chu Lai – Quảng Nam	340.485.902	-
Nhà điều hành Chu Lai – Trường Hải	152.773.840	-
Khác	26.542.307	23.238.523
TỔNG CỘNG	<u>1.633.671.691</u>	<u>589.060.048</u>

16. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Ngàn VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Đầu tư vào công ty con (<i>Thuyết minh số 16.1</i>)	20.975.242.790	15.591.896.886
Đầu tư vào công ty liên kết (<i>Thuyết minh số 16.2</i>)	7.140.000	7.140.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (<i>Thuyết minh số 16.3</i>)	62.500.369	62.500.369
TỔNG CỘNG	<u>21.044.883.159</u>	<u>15.661.537.255</u>
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(124.478.742)	(96.067.640)
Trong đó:		
Dự phòng đầu tư vào công ty con	(124.478.742)	(96.067.640)
GIÁ TRỊ THUẦN	<u>20.920.404.417</u>	<u>15.565.469.615</u>

Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

16. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

16.1 Đầu tư vào công ty con

Chi tiết các khoản đầu tư vào công ty con như sau:

	Lĩnh vực kinh doanh	Tình trạng hoạt động	Số cuối năm		Số đầu năm	
			Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc Ngàn VND	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc Ngàn VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Đại Quang Minh	Kinh doanh bất động sản	Đang hoạt động	77,50	13.227.157.125	84,85	10.224.157.125
Công ty TNHH MTV Sản xuất Ô tô Thaco - Mazda	Sản xuất ô tô	Trước hoạt động	100	2.500.000.000	100	957.850.969
Công ty TNHH MTV Đầu tư Phát triển Hạ tầng Khu Công Nghiệp và Đô thị Chu Lai Trường Hải	Phát triển hạ tầng khu công nghiệp	Đang hoạt động	100	600.000.000	100	600.000.000
Công ty TNHH MTV Sản xuất và Lắp ráp Ô tô Tài Chu Lai Trường Hải	Sản xuất ô tô	Đang hoạt động	100	565.225.169	100	565.225.169
Công ty TNHH Sản xuất và Lắp ráp Ô tô Du lịch Trường Hải Kia	Sản xuất ô tô	Đang hoạt động	100	500.000.000	100	500.000.000
Công ty TNHH MTV Cảng Chu Lai - Trường Hải	Dịch vụ vận tải	Đang hoạt động	100	400.000.000	100	120.000.000
Công ty TNHH MTV Sản xuất Xe Bus Thaco	Sản xuất ô tô	Đang hoạt động	100	350.000.000	100	350.000.000
Công ty Cổ phần Xây dựng và Vật tư Thiết bị	Cung cấp vật tư, thiết bị	Đang hoạt động	99,99	305.692.553	99,99	305.692.553
Công ty TNHH Sản xuất Linh kiện Nhựa THACO	Sản xuất phụ tùng	Đang hoạt động	100	300.000.000	100	110.762.095
Công ty TNHH MTV Cơ khí Chu Lai - Trường Hải	Sản xuất bộ phận cơ khí	Đang hoạt động	100	200.000.000	100	200.000.000
Công ty TNHH MTV Sản xuất và Lắp ráp Ô tô Khách Trường Hải	Sản xuất ô tô	Đang hoạt động	100	150.000.000	100	150.000.000
Công ty Cổ phần Cơ Khí Ô tô Nghệ An	Sản xuất bộ phận cơ khí	Đang hoạt động	98,71	135.517.500	-	-
Công ty TNHH MTV Trường Hải - Phú Yên	Mua bán ô tô	Trước hoạt động	100	113.568.005	100	60.000.000

Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

16. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

16.1 Đầu tư vào công ty con (tiếp theo)

Chi tiết các khoản đầu tư vào công ty con như sau (tiếp theo):

	Lĩnh vực kinh doanh	Tình trạng hoạt động	Số cuối năm		Số đầu năm	
			Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc Ngàn VND	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc Ngàn VND
Công ty TNHH MTV Trường Hải - Bình Dương	Mua bán ô tô	Đang hoạt động	100	108.604.000	100	108.604.000
Công ty TNHH Sản xuất & Lắp ráp Ô tô Cao cấp Thaco	Sản xuất ô tô	Đang hoạt động	100	100.000.000	100	100.000.000
Công ty TNHH Phân phối Ô tô Tải – Bus Trường Hải	Phân phối ô tô	Đang hoạt động	100	100.000.000	100	100.000.000
Công Ty Cổ Phần Cơ Khí Giao Thông Vận Tải Đồng Nai	Sản xuất bộ phận cơ khí	Đang hoạt động	99,80	94.700.342	-	-
Công ty TNHH MTV Cơ khí Chuyên dụng Bắc Bộ Trường Hải	Sản xuất bộ phận cơ khí	Đang hoạt động	100	87.893.147	100	87.893.147
Công ty TNHH MTV Soosung Motors Technology (“SMT”)	Sản xuất ô tô	Đang hoạt động	75	82.646.620	75	82.646.620
Công ty TNHH MTV Sản xuất Nhip Ô tô Chu Lai Trường Hải	Sản xuất phụ tùng	Đang hoạt động	100	80.000.000	100	80.000.000
Công ty TNHH MTV Vận tải Biển Chu Lai Trường Hải	Dịch vụ vận tải biển	Đang hoạt động	100	70.000.000	100	70.000.000
Công Ty TNHH Sản xuất Linh kiện Thân vỏ Ô tô THACO	Sản xuất phụ tùng	Đang hoạt động	100	67.200.000	-	-
Công ty Cổ phần Trường Hải Đức Thành	Mua bán ô tô	Trước hoạt động	77,50	51.150.000	77,50	51.150.000
Công ty TNHH MTV Phân phối Ô tô Du lịch Chu Lai Trường Hải	Mua bán ô tô	Đang hoạt động	100	50.000.000	100	50.000.000
Công ty TNHH MTV Gia công Thép Chu Lai - Trường Hải	Sản xuất thép	Đang hoạt động	100	50.000.000	100	50.000.000
Công ty TNHH Sản xuất xe Chuyên dụng Thaco	Sản xuất Sormi romoc	Đang hoạt động	51	45.900.000	51	45.900.000
Công ty TNHH MTV Sản xuất Ô tô Chuyên dụng Trường Hải	Sản xuất bộ phận cơ khí	Đang hoạt động	100	44.331.950	100	44.331.950
Công ty TNHH MTV Sản xuất Khuôn Chu Lai - Trường Hải	Sản xuất phụ tùng	Đang hoạt động	100	44.100.000	100	44.100.000

Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

16. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

16.1 Đầu tư vào công ty con (tiếp theo)

Chi tiết các khoản đầu tư vào công ty con như sau (tiếp theo):

	Lĩnh vực kinh doanh	Tình trạng hoạt động	Số cuối năm		Số đầu năm	
			Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc Ngàn VND	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc Ngàn VND
Công ty TNHH MTV Trường Hải Nghệ An	Mua bán ô tô	Đang hoạt động	100	40.409.360	100	40.409.360
Công ty TNHH MTV Sản xuất Linh kiện Nội thất Thaco	Mua bán phụ tùng ô tô	Đang hoạt động	100	40.000.000	100	40.000.000
Công ty TNHH MTV Trường Hải - Quảng Bình	Mua bán ô tô	Đang hoạt động	100	40.000.000	100	35.786.878
Công ty TNHH Thái Nguyên - Trường Hải	Mua bán ô tô	Đang hoạt động	100	38.500.000	100	38.500.000
Công ty TNHH MTV Huế - Trường Hải	Mua bán ô tô	Đang hoạt động	100	37.730.000	100	34.630.001
Trường Cao đẳng THACO	Đào tạo	Đang hoạt động	100	33.105.970	100	33.105.970
Công ty TNHH MTV Thương mại Sản xuất Điều Bàng	Thương mại	Đang hoạt động	100	32.500.000	100	32.500.000
Công ty Cổ phần Vung Tàu Trường Hải	Mua bán ô tô	Đang hoạt động	99,80	31.886.597	99,80	31.886.597
Công ty TNHH MTV Thương mại Dịch vụ Vận tải Trường Hải - Bình Phước	Dịch vụ vận tải	Đang hoạt động	100	30.000.000	100	30.000.000
Công ty TNHH MTV Phụ tùng Trường Hải	Mua bán phụ tùng ô tô	Tạm dừng hoạt động	100	30.000.000	100	30.000.000
Công ty TNHH MTV Cơ điện Chu Lai Trường Hải	Sản xuất cơ điện	Đang hoạt động	100	20.000.000	100	20.000.000
Công ty TNHH MTV Xây dựng Chu Lai Trường Hải	Xây dựng	Đang hoạt động	100	20.000.000	100	20.000.000
Công ty TNHH MTV Sản xuất Máy Nông nghiệp THACO	Sản xuất máy móc	Đang hoạt động	100	15.710.000	100	5.050.000
Công ty TNHH MTV Trường Phú	Thương mại	Đang hoạt động	100	15.213.500	100	15.213.500
Công ty TNHH MTV Trường Hải - Hà Nam	Mua bán ô tô	Đang hoạt động	100	15.150.000	100	15.150.000
Công ty TNHH MTV Sản xuất Kính Ô tô Chu Lai - Trường Hải	Sản xuất kính	Đang hoạt động	100	15.000.000	100	15.000.000

Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

16. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

16.1 Đầu tư vào công ty con (tiếp theo)

Chi tiết các khoản đầu tư vào công ty con như sau (tiếp theo):

	Lĩnh vực kinh doanh	Tình trạng hoạt động	Số cuối năm		Số đầu năm	
			Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc Ngàn VND	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc Ngàn VND
Công ty TNHH MTV Vận tải Đường bộ Chu Lai - Trường Hải	Vận tải - Giao nhận - Phân phối	Đang hoạt động	100	15.000.000	100	15.000.000
Công ty TNHH MTV Sản xuất Máy lạnh Thaco	Sản xuất phụ tùng	Trước hoạt động	60	13.800.000	60	13.800.000
Công ty TNHH Sản xuất Máy lạnh Ô tô Vina	Sản xuất phụ tùng	Đang hoạt động	51	11.475.000	51	11.475.000
Công ty TNHH Sản xuất Phụ tùng Ô tô	Sản xuất phụ tùng	Đang hoạt động	49	10.584.000	49	10.584.000
Công ty TNHH Sản xuất và Lắp ráp Điện lạnh Trường Hải	Sản xuất bộ phận cơ khí	Đang hoạt động	100	10.000.000	100	10.000.000
Công ty TNHH MTV Truyền thông Đa phương tiện Trường Hải	Quảng cáo	Đang hoạt động	100	10.000.000	100	10.000.000
Công ty TNHH MTV Sản xuất Linh kiện Composite Chu Lai Trường Hải	Sản xuất phụ tùng	Đang hoạt động	100	10.000.000	100	10.000.000
Công ty TNHH MTV Ô tô Trường Hải Vĩnh Phúc	Mua bán ô tô	Đang hoạt động	100	6.000.000	100	6.000.000
Công ty TNHH Sản xuất Phụ Tùng Điện Ô tô	Sản xuất phụ tùng	Đang hoạt động	51	5.355.000	51	5.355.000
Công ty TNHH MTV Hóa chất Chuyên dụng Chu Lai Trường Hải	Sản xuất keo	Đang hoạt động	100	2.878.455	100	2.878.455
Công ty TNHH MTV Bắc Ninh Trường Hải	Mua bán ô tô	Đang hoạt động	100	1.258.497	100	1.258.497
TỔNG CỘNG				20.975.242.790		15.591.896.886
Dự phòng đầu tư vào công ty con				(124.478.742)		(96.067.640)
GIÁ TRỊ THUẬN				20.850.764.048		15.495.829.246

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

16. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

16.2 Đầu tư vào công ty liên kết

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Tỷ lệ sở hữu	Giá gốc	Tỷ lệ sở hữu	Giá gốc
	(%)	Ngàn VND	(%)	Ngàn VND
Công ty TNHH Ô tô Thaco - Kia Đà Nẵng	50	4.500.000	50	4.500.000
Công ty TNHH Thương mại Vở xe Triều Hải	30	2.640.000	30	2.640.000
TỔNG CỘNG		7.140.000		7.140.000

16.3 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số cổ phần	Giá gốc	Số cổ phần	Giá gốc
		Ngàn VND		Ngàn VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Hồ Chí Minh (HDBank)	3.727.800	62.500.369	3.727.800	62.500.369

17. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Ngàn VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Người bán khác	3.826.756.732	993.765.434
- Kia Motors Corporation (*)	2.267.945.904	197.814.334
- Mazda Motor Corporation (*)	977.779.439	669.334.330
- Người bán khác	581.031.389	126.616.770
Các bên liên quan (Thuyết minh số 32)	2.333.148.123	1.418.551.372
TỔNG CỘNG	6.159.904.855	2.412.316.806

(*) Đây là các khoản phải trả liên quan đến việc mua hàng được thực hiện dưới hình thức thư tín dụng trả chậm thanh toán ngay (UPAS L/C) phát hành bởi Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng TNHH Một thành viên Shinhan Việt Nam, Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Xuất Nhập khẩu Việt Nam và Ngân hàng TMCP Phát triển Hồ Chí Minh.

18. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	Ngàn VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Bên liên quan (Thuyết minh số 32)	2.464.978.217	271.474.392
Bên khác	93.024.408	128.926.651
TỔNG CỘNG	2.558.002.625	400.401.043

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

19. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/ PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

				Ngàn VND
	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
Phải thu				
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	(91.182.796)	5.754.932.105	(5.952.294.136)	(288.544.827)
Thuế TNDN nộp thừa	(13.821.965)	-	13.821.965	-
TỔNG CỘNG	(105.004.761)	5.754.932.105	(5.938.472.171)	(288.544.827)
Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	8.000.162	6.696.740.052	(6.699.534.160)	5.206.054
Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN")	4.550.306	75.475.644	(77.159.805)	2.866.145
Thuế thu nhập cá nhân	7.443.041	54.052.418	(44.217.243)	17.278.216
Thuế nhập khẩu	3.340.980	952.745.146	(951.499.277)	4.586.849
Khác	48.564	4.908.056	(4.777.921)	178.699
TỔNG CỘNG	23.383.053	7.783.921.316	(7.777.188.406)	30.115.963

20. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Ngàn VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Lương tháng 13 và thưởng	82.362.744	95.370.834
Chi phí lãi vay	21.776.784	3.464.145
Khác	14.781.875	7.411.810
TỔNG CỘNG	118.921.403	106.246.789

21. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	Ngàn VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Bên liên quan (<i>Thuyết minh số 32</i>)	176.650.111	212.346.854
Cổ tức phải trả	8.850.347	970.031
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và kinh phí công đoàn	5.876.157	8.286.605
Khác	20.871.040	8.047.993
TỔNG CỘNG	212.247.655	229.651.483

Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

22. VAY NGẮN HẠN

	Số đầu năm	Nhận trong năm	Trả trong năm	Đánh giá lại	Số cuối năm
	VND				
Vay ngân hàng (*)	3.416.519.911	9.185.802.913	(7.677.993.882)	7.393.068	4.931.722.010
Vay từ bên liên quan (Thuyết minh số 32)	160.000.000	5.235.009.195	(181.000.000)	-	5.214.009.195
Vay từ bên khác	3.087.621	-	-	-	3.087.621
TỔNG CỘNG	3.579.607.532	14.420.812.108	(7.858.993.882)	7.393.068	10.148.818.826

(*) Công ty vay các khoản vay ngắn hạn từ các ngân hàng nhằm bổ sung nhu cầu vốn lưu động của Công ty. Chi tiết như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm	Thời hạn thanh toán	Lãi suất	Hình thức đảm bảo
	Ngân VND			
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai	1.199.794.688	6 tháng kể từ ngày nhận nợ vay	Lãi suất thị trường	Tín chấp
Ngân hàng Mizuho Bank, Ltd - Chi nhánh Hà Nội	794.911.760	6 tháng kể từ ngày nhận nợ vay	Lãi suất thị trường	Tín chấp
Ngân hàng BNP Parisbas – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	666.839.999	6 tháng kể từ ngày nhận nợ vay	Lãi suất thị trường	Tín chấp
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam	571.297.131	4 tháng kể từ ngày nhận nợ vay	Lãi suất thị trường	Tín chấp
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nam Sài Gòn	420.000.000	4 tháng kể từ ngày nhận nợ vay	Lãi suất thị trường	Tín chấp
Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh	300.000.000	4 tháng kể từ ngày nhận nợ vay	Lãi suất thị trường	Tín chấp
Ngân hàng TNHH Một thành viên ANZ (Việt Nam)	217.837.415	6 tháng kể từ ngày nhận nợ vay	Lãi suất thị trường	Tín chấp
Ngân hàng Citibank (Việt nam) – Chi nhánh Thành phố Hà Nội	200.000.000	3 tháng kể từ ngày nhận nợ vay	Lãi suất thị trường	Tín chấp

Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

22. VAY NGẮN HẠN (tiếp theo)

(*) Công ty vay các khoản vay ngắn hạn từ các ngân hàng nhằm bổ sung nhu cầu vốn lưu động của Công ty. Chi tiết như sau: (tiếp theo)

Ngân hàng	Số cuối năm Ngàn VND	Thời hạn thanh toán	Lãi suất	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng Malaysian Banking Berhad	171.779.039	6 tháng kể từ ngày nhận nợ vay	Lãi suất thị trường	Tín chấp
JPMorgan Chase Bank, Chi nhánh Hồ Chí Minh	111.609.049	6 tháng kể từ ngày nhận nợ vay	Lãi suất thị trường	Tín chấp
Ngân hàng Fubon Đài Loan - Chi nhánh Hồ Chí Minh	73.771.276	180 ngày kể từ ngày nhận nợ vay	Lãi suất thị trường	Tín chấp
Ngân hàng TNHH Một thành viên ANZ (Singapore)	58.869.302	6 tháng kể từ ngày nhận nợ vay	Lãi suất thị trường	Tín chấp
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	58.714.641	3 tháng kể từ ngày nhận nợ vay	Lãi suất thị trường	Tín chấp
Ngân Hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - Chi nhánh TP Hồ Chí Minh	35.419.785	6 tháng kể từ ngày nhận nợ vay	Lãi suất thị trường	Tín chấp
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Nam Á - Chi nhánh Đà Nẵng	34.741.861	5 tháng kể từ ngày nhận nợ vay	Lãi suất thị trường	Tín chấp
Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC (Việt Nam)	16.136.064	150 ngày kể từ ngày nhận nợ vay	Lãi suất thị trường	Tín chấp
TỔNG CỘNG	4.931.722.010			

Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

23. VỐN CHỦ SỞ HỮU

23.1 *Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu*

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Ngàn VND
Năm trước:					
Số đầu năm	4.145.000.000	2.998.618.837	(6.840.000)	15.598.321.007	22.735.099.844
Tăng vốn	12.435.000.000	(2.984.400.000)	-	(9.450.600.000)	-
Phát hành cổ phiếu quỹ	-	15.660.000	6.840.000	-	22.500.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	4.481.768.918	4.481.768.918
Cổ tức công bố	-	-	-	(2.486.280.000)	(2.486.280.000)
Số cuối năm	16.580.000.000	29.878.837	-	8.143.209.925	24.753.088.762
Năm nay					
Số đầu năm	16.580.000.000	29.878.837	-	8.143.209.925	24.753.088.762
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	6.325.313.232	6.325.313.232
Cổ tức công bố (*)	-	-	-	(3.979.200.000)	(3.979.200.000)
Số cuối năm	16.580.000.000	29.878.837	-	10.489.323.157	27.099.201.994

(*) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông số 02/2018/NQ-DHDCD/THACO ngày 19 tháng 4 năm 2018, cổ đông của Công ty đã thống nhất thông qua Tờ trình của Hội đồng Quản trị ("HQĐT") về kế hoạch chi trả cổ tức cho các cổ đông hiện hữu của Công ty tại mức 12% trên mệnh giá của cổ phiếu phổ thông. Công ty đã chốt danh sách cổ đông để chi trả cổ tức 12% này, tương đương với 1.989.600.000 ngàn VND, vào ngày 7 tháng 5 năm 2018.

Ngoài ra, theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông số 03/2018/NQ-DHDCD/THACO ngày 10 tháng 12 năm 2018, cổ đông của Công ty đã thống nhất thông qua Tờ trình của Hội đồng Quản trị ("HQĐT") về kế hoạch chi trả bổ sung cổ tức cho các cổ đông hiện hữu của Công ty tại mức 12% trên mệnh giá của cổ phiếu phổ thông. Công ty đã chốt danh sách cổ đông để chi trả cổ tức 12% này, tương đương với 1.989.600.000 ngàn VND, vào ngày 28 tháng 12 năm 2018.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

23. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

23.2 Vốn cổ phần

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Số lượng cổ phiếu	Ngàn VND	%	Số lượng cổ phiếu	Ngàn VND	%
Cổ đông tổ chức	1.432.292.396	14.322.923.960	86,39	1.429.319.748	14.293.197.480	86,21
Cổ đông cá nhân	225.707.604	2.257.076.040	13,61	228.680.252	2.286.802.520	13,79
TỔNG CỘNG	1.658.000.000	16.580.000.000	100,00	1.658.000.000	16.580.000.000	100,00

23.3 Cổ phiếu

	Số lượng cổ phiếu	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ phiếu đã được duyệt	1.658.000.000	1.658.000.000
Cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đủ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	1.658.000.000 1.658.000.000	1.658.000.000 1.658.000.000
Cổ phiếu đang lưu hành <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	1.658.000.000 1.658.000.000	1.658.000.000 1.658.000.000

Mệnh giá cổ phiếu : 10.000 VND/cổ phiếu.

23.4 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	Ngàn VND	
	Năm nay	Năm trước
Vốn đã góp		
Số đầu năm	16.580.000.000	4.145.000.000
Tăng vốn trong năm	-	12.435.000.000
Số cuối năm	16.580.000.000	16.580.000.000
Cổ tức		
Cổ tức đã trả bằng tiền trong năm	3.971.319.684	2.485.935.561
Cổ tức công bố bằng tiền	3.979.200.000	2.486.280.000
Cổ tức công bố bằng cổ phiếu	-	12.435.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

24. DOANH THU

24.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Ngàn VND Năm trước
Doanh thu gộp	45.637.197.478	31.643.141.978
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu bán xe các loại</i>	36.391.789.090	26.124.898.740
<i>Doanh thu bán phụ tùng</i>	7.354.830.729	4.176.033.337
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	1.807.454.219	1.246.041.710
<i>Khác</i>	83.123.440	96.168.191
Các khoản giảm trừ doanh thu	(214.362)	(314.998)
<i>Chiết khấu thương mại</i>	<i>(214.362)</i>	<i>(314.998)</i>
DOANH THU THUẦN	<u>45.636.983.116</u>	<u>31.642.826.980</u>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu bán xe các loại</i>	36.391.789.090	26.124.898.740
<i>Doanh thu bán phụ tùng</i>	7.354.616.367	4.175.718.339
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	1.807.454.219	1.246.041.710
<i>Khác</i>	83.123.440	96.168.191
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu đối với bên khác</i>	36.277.847.598	27.126.826.382
<i>Doanh thu đối với bên liên quan</i>	9.359.135.518	4.516.000.598

24.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Ngàn VND Năm trước
Thu nhập từ cổ tức	5.985.531.022	4.363.846.626
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	189.315.800	174.478.348
Lãi cho vay	103.466.989	23.077.951
Lãi từ thanh lý khoản đầu tư	25.293.303	-
Lãi tiền gửi ngân hàng	8.872.613	8.560.081
Khác	-	899
TỔNG CỘNG	<u>6.312.479.727</u>	<u>4.569.963.905</u>

25. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Năm nay	Ngàn VND Năm trước
Giá vốn xe các loại đã bán	34.880.424.727	25.200.098.997
Giá vốn phụ tùng đã bán	7.185.753.252	4.099.047.962
Giá vốn dịch vụ cung cấp	1.529.399.451	1.087.144.576
Khác	69.040.585	62.195.877
TỔNG CỘNG	<u>43.664.618.015</u>	<u>30.448.487.412</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<i>Năm nay</i>	<i>Ngàn VND Năm trước</i>
Lãi vay	205.167.942	85.322.200
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh trong năm	270.453.871	177.747.903
Trích lập (hoàn nhập) dự phòng đầu tư tài chính	28.411.102	(12.134.629)
Khác	139.660	-
TỔNG CỘNG	<u>504.172.575</u>	<u>250.935.474</u>

27. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	<i>Năm nay</i>	<i>Ngàn VND Năm trước</i>
Chi phí nhân viên	323.569.969	248.645.669
Chi phí quảng cáo	93.076.930	81.642.503
Chi phí thuê	76.857.481	35.072.530
Chi phí dịch vụ mua ngoài	75.161.463	54.459.758
Chi phí khấu hao và hao mòn	56.437.883	45.171.359
Chi phí giao hàng	54.525.995	29.493.451
Công cụ và thiết bị	22.673.379	18.240.715
Khác	24.246.101	18.505.044
TỔNG CỘNG	<u>726.549.201</u>	<u>531.231.029</u>

28. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<i>Năm nay</i>	<i>Ngàn VND Năm trước</i>
Chi phí nhân viên	308.058.839	248.984.190
Chi phí dịch vụ mua ngoài	250.827.027	167.789.957
Chi phí khấu hao và hao mòn	97.927.167	80.411.794
Chi phí lập dự phòng	18.135.339	183.905
Công cụ, dụng cụ	12.385.422	10.081.422
Khác	49.693.744	17.929.337
TỔNG CỘNG	<u>737.027.538</u>	<u>525.380.605</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

29. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC

	Ngàn VND	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập khác	187.760.258	158.135.114
Phí thanh lý hợp đồng	87.185.000	-
Chi phí trả hộ	48.538.979	11.976.200
Thu nhập từ hoạt động cho thuê	19.770.634	18.422.600
Hoàn thuế	3.340.980	60.132.169
Thu nhập dịch vụ đăng kí xe ô tô	627.820	28.782.134
Khác	28.296.845	38.822.011
Chi phí khác	(90.252.188)	(126.775.040)
Chi phí trả hộ	(54.403.276)	(8.787.721)
Chi phí hoạt động cho thuê	(14.077.581)	(6.758.382)
Chi phí dịch vụ đăng kí xe ô tô	(86.984)	(998.717)
Lỗi từ thanh lý tài sản cố định	-	(1.917.855)
Xóa sổ tài sản cố định	-	(107.340.727)
Khác	(21.684.347)	(971.638)
LỢI NHUẬN KHÁC	97.508.070	31.360.074

30. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Ngàn VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn hàng hóa	43.608.638.732	30.048.802.261
Chi phí dịch vụ mua ngoài	620.875.115	754.674.993
Chi phí lương	560.038.655	429.768.271
Chi phí khấu hao và hao mòn (Thuyết minh số 13 và 14)	243.426.245	180.738.410
Khác	95.216.007	91.115.111
TỔNG CỘNG	45.128.194.754	31.505.099.046

31. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") với mức thuế suất bằng 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

31.1 Chi phí thuế TNDN

	Ngàn VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	89.297.609	11.790.149
Điều chỉnh thuế TNDN trích thừa trong những năm trước	-	(13.821.965)
(Thu nhập) chi phí thuế TNDN hoãn lại	(7.257)	8.379.337
TỔNG CỘNG	89.290.352	6.347.521

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

31. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

31.1 Chi phí thuế TNDN (tiếp theo)

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	Ngàn VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	6.414.603.584	4.488.116.439
Thuế TNDN theo thuế suất 20% áp dụng cho Công ty	1.282.920.717	897.623.288
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Thu nhập từ hoạt động không thuộc diện nộp thuế TNDN	(1.197.106.204)	(872.769.325)
Chi phí không được trừ	2.824.414	5.038.144
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	651.425	2.303.813
Hoàn thuế	-	(12.026.434)
Điều chỉnh thuế TNDN trích (thừa) thiếu trong những năm trước	-	(13.821.965)
Chi phí thuế TNDN	89.290.352	6.347.521

31.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

31.3 Tài sản thuế TNDN hoãn lại

Công ty đã ghi nhận một số khoản tài sản thuế thu nhập hoãn lại với các biến động trong năm này và năm trước như sau:

	Ngàn VND			
	<i>Bảng cân đối kế toán riêng</i>		<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Dự phòng trợ cấp thôi việc	678.056	670.799	7.257	16.737
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	-	-	-	(8.396.074)
Tài sản thuế TNDN hoãn lại	678.056	670.799		
Thu nhập (chi phí) thuế TNDN hoãn lại			7.257	(8.379.337)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

32. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm nay và năm trước bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Ngàn VND	
			Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH MTV Phân phối Xe Ô tô Du lịch Chu Lai - Trường Hải	Công ty con	Mua hàng	24.849.785.374	17.541.597.485
		Bán hàng	6.829.790.551	5.007.126.381
		Lợi nhuận nhận được	1.376.014.021	745.146.150
		Cung cấp dịch vụ	34.258.498	74.190.622
		Mua tài sản cố định	21.266.092	7.041.108
		Sử dụng dịch vụ	9.818.456	2.824.560
Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Đại Quang Minh	Công ty con	Cho vay	6.268.456.200	-
		Góp vốn	3.003.000.000	-
		Phí thanh lý hợp đồng	87.185.000	-
		Lãi cho vay	65.123.682	-
		Mua hàng	33.550.971	-
		Sử dụng dịch vụ	5.166.894	600.633
		Bán hàng hóa	218.870	271.571
		Cung cấp dịch vụ	200.261	-
Công ty TNHH Phân phối Ô tô Tải - Bus Trường Hải	Công ty con	Mua hàng	5.646.197.798	10.157.136.640
		Lợi nhuận nhận được	234.985.441	335.244.617
		Bán hàng hóa	20.339.415	263.062.319
		Cung cấp dịch vụ	18.553.337	49.126.420
		Sử dụng dịch vụ	2.584.687	4.262.950
		Mua tài sản	322.091	-
Công ty TNHH Sản xuất & Lắp ráp Ô tô Cao cấp Thaco	Công ty con	Lợi nhuận nhận được	2.252.520.650	662.910.516
		Bán hàng	58.068	90.257
		Mua hàng	47.731	-
		Cung cấp dịch vụ	-	6.763.964
Công ty TNHH MTV Sản xuất Ô tô Thaco - Mazda	Công ty con	Góp vốn	1.542.149.304	856.883.323
		Lợi nhuận nhận được	66.087.528	-
		Bán hàng	354.549	537.146
Công ty TNHH MTV Sản xuất và Lắp ráp Ô tô Tải Chu Lai Trường Hải	Công ty con	Lợi nhuận nhận được	618.247.373	1.007.555.805
		Bán hàng	158.063	68.263.495
		Cung cấp dịch vụ	69.107	1.465.084
Công ty TNHH MTV Sản xuất Xe Bus Thaco	Công ty con	Lợi nhuận nhận được	349.119.616	-
		Cho vay	348.800.000	292.084.000
		Lãi cho vay	15.535.617	3.840.786
		Bán hàng	256.562	25.374.064
		Góp vốn	-	165.677.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

32. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm nay và năm trước bao gồm: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Ngân VND	
			Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH MTV Cảng Chu Lai - Trường Hải	Công ty con	Góp vốn	280.000.000	-
		Lợi nhuận nhận được	110.376.827	112.656.156
		Cho vay	35.100.000	166.040.000
		Lãi cho vay	2.306.775	6.980.742
		Sử dụng dịch vụ	161.920	108.999
		Cung cấp dịch vụ	57.110	116.224
Công ty TNHH Sản xuất và Lắp ráp Ô tô Du Lịch Trường Hải KIA	Công ty con	Lợi nhuận nhận được	399.646.353	50.693.445
		Cung cấp dịch vụ	158.893	188.096
		Bán hàng	28.382	9.874.053
		Mua hàng	-	55.768
Công ty TNHH Sản xuất Linh kiện Nhựa THACO	Công ty con	Góp vốn	189.237.905	110.762.095
		Lợi nhuận nhận được	28.883.722	-
		Cho vay	11.600.000	-
		Lãi cho vay	84.530	-
		Cung cấp dịch vụ	-	22.934
Công ty TNHH MTV Trường Hải - Bình Dương	Công ty con	Bán hàng	145.074.559	24.678.797
		Mua hàng	118.487.187	7.014.562
		Lợi nhuận nhận được	56.300.451	19.851.389
		Sử dụng dịch vụ	1.670.550	41.504
		Cung cấp dịch vụ	25.482	776.860
Công ty TNHH MTV Đầu tư phát triển Hạ tầng Khu Công nghiệp và Đô thị Chu Lai Trường Hải	Công ty con	Cho vay	140.861.849	73.585.000
		Lợi nhuận nhận được	79.366.524	41.258.510
		Lãi cho vay	8.387.464	8.112.593
		Sử dụng dịch vụ	1.567.850	1.712.748
		Góp vốn	-	250.000.000
Công ty TNHH MTV Ô tô Trường Hải Vĩnh Phúc	Công ty con	Mua hàng	167.917.065	17.022.175
		Bán hàng	55.083.149	17.984.571
		Lợi nhuận nhận được	20.188.240	8.340.932
		Sử dụng dịch vụ	6.056	9.322
		Cung cấp dịch vụ	3.992	261.300
Công ty TNHH MTV Trường Hải Nghệ An	Công ty con	Mua hàng	63.155.960	2.354.675
		Bán hàng	44.163.771	20.456.381
		Lợi nhuận nhận được	42.332.386	9.287.863
		Cung cấp dịch vụ	245.318	295.916
		Sử dụng dịch vụ	14.865	4.385
		Mua tài sản cố định	-	2.409

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
 vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

32. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm nay và năm trước bao gồm: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Ngàn VND	
			Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH MTV Xây dựng Chu Lai Trường Hải	Công ty con	Sử dụng dịch vụ	107.217.766	-
		Lợi nhuận nhận được	37.142.593	24.500.118
		Bán hàng	11.662	92.320
		Cung cấp dịch vụ	603	12.772
Công ty Cổ phần Vũng Tàu Trường Hải	Công ty con	Bán hàng	77.020.120	11.274.006
		Mua hàng	58.972.809	3.049.984
		Sử dụng dịch vụ	12.819	13.931
		Cung cấp dịch vụ	8.807	268.625
		Góp vốn	-	23.216.597
		Lợi nhuận nhận được	-	18.122.320
Công ty TNHH MTV Cơ điện Chu Lai Trường Hải	Công ty con	Lợi nhuận nhận được	63.420.954	53.639.576
		Sử dụng dịch vụ	25.510.494	360.765
		Bán hàng	324.003	3.178.964
		Mua tài sản cố định	154.346	27.381.724
		Cung cấp dịch vụ	74.643	158.077
		Mua hàng	35.349	635.653
Công ty TNHH MTV Cơ khí Chu Lai - Trường Hải	Công ty con	Cho vay	50.000.000	-
		Lợi nhuận nhận được	30.878.321	180.308.858
		Bán hàng	26.491	8.587.057
		Cung cấp dịch vụ	10.843	645.035
Công ty TNHH MTV TM DV Vận Tải Trường Hải - Bình Phước	Công ty con	Bán hàng	52.352.830	21.261.778
		Mua hàng	46.771.359	5.064.005
		Sử dụng dịch vụ	9.966	13.581
		Cung cấp dịch vụ	-	186.740
Công ty Cổ phần Xây dựng và Vật tư Thiết bị	Công ty con	Mua hàng	40.872.928	4.010.040
		Bán hàng	29.436.965	25.699.680
		Lợi nhuận nhận được	19.845.537	71.062.203
		Sử dụng dịch vụ	7.011.252	3.222.951
		Mua tài sản cố định	184.048	-
Công Ty TNHH MTV Huế Trường Hải	Công ty con	Bán hàng	29.107.570	10.563.948
		Mua hàng	28.570.455	1.992.883
		Lợi nhuận nhận được	8.242.740	-
		Góp vốn	3.100.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

32. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm nay và năm trước bao gồm: (tiếp theo)

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Ngàn VND</i>	
			<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Công ty TNHH MTV Trường Hải Quảng Bình	Công ty con	Bán hàng	33.192.050	5.413.887
		Mua hàng	28.136.400	2.307.002
		Lợi nhuận nhận được	6.112.936	232.672
		Góp vốn	4.213.122	6.157.464
		Sử dụng dịch vụ	20.375	48.359
		Cung cấp dịch vụ	2.094	176.553
Công ty TNHH MTV Sản xuất Ô tô Chuyên dụng Trường Hải	Công ty con	Bán hàng	31.426.547	21.958.674
		Mua hàng	30.630.753	24.109.504
		Lợi nhuận nhận được	3.821.453	13.961.289
		Sử dụng dịch vụ	289.778	1.091.658
		Cung cấp dịch vụ	19.372	773.018
Công ty TNHH MTV Sản xuất Linh kiện Nội thất Thaco	Công ty con	Lợi nhuận nhận được	51.954.085	40.617.858
		Bán hàng	-	252.803
		Cung cấp dịch vụ	-	1.710
Công ty TNHH Sản xuất Linh kiện Thân vỏ Ô tô Thaco	Công ty con	Góp vốn	67.200.000	-
Công ty TNHH Sản xuất Xe Chuyên dụng THACO	Công ty con	Cho vay	62.080.000	-
		Lãi cho vay	719.780	-
Công ty TNHH MTV Cơ khí Chuyên dụng Bắc Bộ Trường Hải	Công ty con	Mua hàng	20.477.630	29.332.422
		Bán hàng	17.691.789	35.183.149
		Lợi nhuận nhận được	9.006.750	22.206.504
		Sử dụng dịch vụ	3.361.984	3.202.216
		Cung cấp dịch vụ	47.744	522.397
		Mua tài sản cố định	-	10.043.504
Công ty TNHH MTV Gia công Thép Chu Lai - Trường Hải	Công ty con	Lợi nhuận nhận được	28.399.541	42.844.829
		Sử dụng dịch vụ	114.672	76.359
Công ty TNHH MTV Trường Phú	Công ty con	Mua hàng	27.945.401	1.672.030
		Bán hàng	11.658.648	15.173.772
		Cung cấp dịch vụ	5.898	339.047
		Sử dụng dịch vụ	4.945	-
Công ty TNHH MTV Sản xuất Linh kiện composite Chu Lai Trường Hải	Công ty con	Lợi nhuận nhận được	20.116.113	22.904.845

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

32. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm nay và năm trước bao gồm: (tiếp theo)

				VND	
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>	
Công ty TNHH MTV Vận tải Đường bộ Chu Lai - Trường Hải	Công ty con	Lợi nhuận được nhận	13.526.645	47.401.849	
		Sử dụng dịch vụ	8.575.304	6.269.654	
		Cung cấp dịch vụ	2.191.745	7.446.602	
		Bán hàng	1.647.984	425.764	
		Mua hàng	1.438.884	1.076.245	
Công ty TNHH MTV Bắc Ninh Trường Hải	Công ty con	Bán hàng	6.315.677	16.511.548	
		Mua hàng	5.113.743	5.239.932	
		Lợi nhuận được nhận	1.137.505	6.440.024	
		Cung cấp dịch vụ	8.293	115.740	
		Sử dụng dịch vụ	6.988	1.659	
Công ty TNHH MTV Trường Hải - Hà Nam	Công ty con	Bán hàng	9.364.674	14.401.506	
		Mua hàng	2.038.057	2.841.938	
		Lợi nhuận được nhận	340.074	238.697	
		Cung cấp dịch vụ	55.516	87.036	
		Sử dụng dịch vụ	15.914	6.917	
Công ty TNHH MTV Sản xuất Nhíp Ô tô Chu Lai Trường Hải	Công ty con	Lợi nhuận được nhận	1.947.707	68.429.988	
		Cho vay	3.360.000	-	
		Lãi cho vay	1.460	-	
Công ty TNHH MTV Trường Hải – Phú Yên	Công ty con	Lãi cho vay	2.108.732	153.571	
		Cho vay	289.692	50.957.680	
		Sử dụng dịch vụ	15.914	6.917	
		Góp vốn	-	24.000.000	
Công ty TNHH MTV Sản xuất và Lắp ráp Ô tô Khách Trường Hải	Công ty con	Lợi nhuận được nhận	4.341.227	684.230.039	
		Sử dụng dịch vụ	679.452	3.720	
		Cung cấp dịch vụ	472.439	1.762.681	
		Bán hàng	73.989	25.170.598	
Công ty TNHH Thái Nguyên Trường Hải	Công ty con	Bán hàng	4.467.408	12.519.531	
		Mua hàng	1.553.887	2.772.346	
		Cung cấp dịch vụ	62.911	23.424	
		Sử dụng dịch vụ	43.400	15.578	
		Lợi nhuận được nhận	-	2.731.390	
Công ty TNHH MTV Sản xuất và Lắp ráp Điện lạnh Trường Hải	Công ty con	Lợi nhuận được nhận	2.512.619	13.382.986	
		Bán hàng	-	831.220	
Công ty Cổ Phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai	Bên liên quan	Mua trái phiếu chuyển đổi	2.216.880.000	-	
		Cho vay	746.132.000	-	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

32. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

				Ngàn VND	
Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm	
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn					
Công ty Cổ Phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai	Bên liên quan	Trái phiếu chuyển đổi	2.216.880.000	-	
Phải thu ngắn hạn của khách hàng					
Công ty TNHH MTV Trường Phú	Công ty con	Bán hàng	15.621.659	14.754.806	
Công ty TNHH MTV Sản Xuất Máy Nông Nghiệp THACO	Công ty con	Bán hàng	14.586.327	-	
Công ty TNHH Phân Phối Ô tô Tải - Bus Trường Hải	Công ty con	Bán hàng	13.280.093	-	
Công ty TNHH MTV Thương mại Sản xuất Điều Bể	Công ty con	Bán hàng	11.902.691	16.239.930	
Công ty TNHH MTV Trường Hải - Bình Dương	Công ty con	Bán hàng	11.025.798	374.606	
Công ty TNHH MTV Thương mại Dịch vụ Vận tải Trường Hải - Bình Phước	Công ty con	Bán hàng	8.798.248	3.413.584	
Công ty TNHH MTV Trường Hải Quảng Bình	Công ty con	Bán hàng	5.518.582	-	
Soo Sung Motors Technology Co., Ltd	Công ty con	Bán hàng	4.700.848	4.602.364	
Công ty TNHH MTV Sản xuất Ô tô Chuyên Dụng Trường Hải	Công ty con	Bán hàng	3.735.884	414.847	
Công ty Cổ phần Vững Tàu Trường Hải	Công ty con	Bán hàng	3.068.554	-	
Công ty TNHH ô tô Thaco - KIA Đà Nẵng	Công ty liên kết	Bán hàng	2.387.568	2.387.568	
Công ty TNHH MTV Ô tô Trường Hải Vĩnh Phúc	Công ty con	Bán hàng	2.072.425	-	
Công ty Cổ phần Xây dựng và Vật tư Thiết bị	Công ty con	Bán hàng	1.843.494	-	
Công ty TNHH MTV Sản xuất Xe Bus Thaco	Công ty con	Bán hàng	1.184.033	-	
Công ty TNHH Sản Xuất Máy lạnh THACO	Công ty con	Bán hàng	947.717	-	
Công ty TNHH Thái Nguyên Trường Hải	Công ty con	Bán hàng	828.765	-	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

32. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Ngàn VND				
Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu ngắn hạn của khách hàng (tiếp theo)				
Công ty TNHH MTV Huế Trường Hải	Công ty con	Bán hàng	603.000	-
Công ty TNHH MTV Cơ khí Chuyên dụng Bắc bộ Trường Hải	Công ty con	Bán hàng	519.628	-
Công ty TNHH MTV Sản xuất và Lắp ráp Ô tô khách Trường Hải	Công ty con	Bán hàng	383.097	854.478
Công ty TNHH MTV Vận tải Đường bộ Chu Lai - Trường Hải	Công ty con	Bán hàng	352.439	1.219.182
Công ty TNHH MTV Trường Hải Nghệ An	Công ty con	Bán hàng	10.580	490.000
Công ty TNHH MTV Bắc Ninh Trường Hải	Công ty con	Bán hàng	4.710	436.950
Khác	Công ty con	Bán hàng	506.828	1.520.894
TỔNG CỘNG			103.882.968	46.709.209
Trả trước cho người bán ngắn hạn				
Công ty TNHH Phân phối Ô tô Tải - Bus Trường Hải	Công ty con	Ứng tiền mua xe và phụ tùng	482.663.778	-
Công ty TNHH MTV Xây dựng Chu Lai Trường Hải	Công ty con	Ứng tiền xây dựng	43.704.422	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Đại Quang Minh	Công ty con	Ứng tiền xây dựng	14.724.273	-
Công ty TNHH MTV Đầu tư Phát triển Hạ tầng Khu Công nghiệp và Đô thị Chu Lai Trường Hải	Công ty con	Ứng tiền xây dựng	7.403.328	-
Công ty Cổ Phần Cơ khí Giao thông Vận tải Đồng Nai	Công ty con	Ứng tiền sử dụng dịch vụ	530.097	-
Soosung Motors Technology Co., Ld	Công ty con	Ứng tiền mua phụ tùng	65.787	-
Công ty TNHH MTV Sản xuất xe Bus Thaco	Công ty con	Ứng tiền mua phụ tùng	63.000	-
Các cá nhân khác		Ứng tiền đầu tư	158.913.701	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

32. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Ngàn VND				
Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước cho người bán ngắn hạn (tiếp theo)				
Công ty TNHH MTV Phân phối xe Ô tô Du lịch Chu Lai - Trường Hải	Công ty con	Ứng tiền mua phụ tùng	-	11.839.807
Công ty TNHH MTV Cơ điện Chu Lai Trường Hải	Công ty con	Ứng tiền mua phụ tùng	-	409.883
Công ty TNHH MTV Cơ khí Chuyên dụng Bắc bộ Trường Hải	Công ty con	Ứng tiền mua phụ tùng	-	20.000
TỔNG CỘNG			708.068.386	12.269.690
Phải thu về cho vay ngắn hạn				
Công ty Cổ Phần Đầu tư Địa ốc Đại Quang Minh	Công ty con	Cho vay	2.074.898.255	-
Công ty Cổ Phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai	Bên liên quan	Cho vay	746.132.000	-
Công ty TNHH MTV Xây dựng Chu Lai Trường Hải	Công ty con	Cho vay	234.366.848	-
Công ty TNHH Sản Xuất Xe Chuyên dụng THACO	Công ty con	Cho vay	61.080.000	-
Công ty TNHH MTV Sản xuất Nhíp Ô tô Chu Lai Trường Hải	Công ty con	Cho vay	3.360.000	-
Công ty TNHH Sản Xuất Máy lạnh THACO	Công ty con	Cho vay	6.000.000	-
Công ty TNHH MTV Sản xuất xe Bus THACO	Công ty con	Cho vay	-	292.084.000
Công ty TNHH MTV Đầu tư phát triển Hạ tầng Khu Công nghiệp và Đô Thị Chu Lai Trường Hải	Công ty con	Cho vay	-	99.785.000
Công ty TNHH MTV Trường Hải Phú Yên	Công ty con	Cho vay	-	50.957.680
Công ty TNHH Sản xuất Khuôn Chu Lai Trường Hải	Công ty con	Cho vay	-	201.510.000
Công ty TNHH MTV Cảng Chu Lai - Trường Hải	Công ty con	Cho vay	-	16.200.000
TỔNG CỘNG			3.125.837.103	660.536.680

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

32. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

				Ngàn VND	
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>	
Phải thu ngắn hạn khác					
Công ty TNHH MTV Sản xuất Xe Bus THACO	Công ty con	Thanh toán cho LC ủy thác	741.446.056	415.162.548	
		Lợi nhuận được nhận	349.119.616	-	
		Thanh toán cho dự án FUSO	38.674.770	305.596.288	
		Thanh toán khác	671.851	924	
		Lãi cho vay	141.356	956.239	
Công ty TNHH Phân phối Ô tô Tải - Bus Trường Hải	Công ty con	Lợi nhuận được nhận	408.554.020	173.568.579	
		Thanh toán cho LC ủy thác	213.828	-	
Công ty TNHH Sản xuất Linh kiện nhựa THACO	Công ty con	Thanh toán cho LC ủy thác	181.162.854	10.791.642	
		Lợi nhuận được nhận	28.883.722	-	
Công ty TNHH MTV Cảng Chu Lai - Trường Hải	Công ty con	Lợi nhuận được nhận	194.317.174	137.760.215	
		Thanh toán khác	-	650.637	
		Thanh toán cho LC ủy thác	-	42.687.699	
		Lãi cho vay	-	850.724	
Công ty TNHH MTV Đầu tư Phát triển Hạ tầng Khu Công nghiệp và Đô thị Chu Lai Trường Hải	Công ty con	Lợi nhuận được nhận	146.988.044	67.877.853	
		Lãi cho vay	1.748.098	967.741	
Công ty TNHH MTV Cơ điện Chu Lai Trường Hải	Công ty con	Lợi nhuận được nhận	98.919.399	65.763.558	
Công ty TNHH MTV Trường Hải - Bình Dương	Công ty con	Lợi nhuận được nhận	92.746.506	39.171.055	
		Thanh toán khác	597.604	-	
Công ty TNHH MTV Xây dựng Chu Lai Trường Hải	Công ty con	Lợi nhuận được nhận	60.282.688	42.140.095	
		Thanh toán khác	140.510	17.057	
Công ty Cổ Phần Đầu Tư Địa Ốc Đại Quang Minh	Công ty con	Lãi cho vay	49.492.136	-	
		Thanh toán khác	160.644	-	
Công ty TNHH MTV Trường Hải Nghệ An	Công ty con	Lợi nhuận được nhận	43.554.593	14.051.207	
		Thanh toán khác	49.983	151.858	
Công ty TNHH MTV Sản xuất Khuôn Chu Lai Trường Hải	Công ty con	Thanh toán cho LC ủy thác	33.170.674	32.868.729	
		Thanh toán khác	-	185.978	
		Lãi cho vay	-	66.575	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

32. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Ngàn VND				
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Phải thu ngắn hạn khác (tiếp theo)				
Công ty TNHH MTV Ô tô Trường Hải - Vĩnh Phúc	Công ty con	Lợi nhuận được nhận	28.097.587	13.909.347
		Thanh toán khác	4.920.107	2.608.551
Công ty TNHH MTV Vận tải Đường bộ Chu Lai - Trường Hải		Lợi nhuận được nhận	28.991.055	40.997.693
		Chi khác	796	-
Công ty TNHH MTV Sản xuất Kính Ô tô Chu Lai Trường Hải	Công ty con	Lợi nhuận được nhận	26.393.658	20.943.186
		Thanh toán khác	2.756	3.841
Công ty Cổ phần Xây dựng và Vật tư Thiết bị	Công ty con	Lợi nhuận được nhận	23.917.412	10.714.876
		Thanh toán khác	1.161.652	324.483
Công ty TNHH MTV Thương mại Dịch vụ Vận tải Trường Hải - Bình Phước	Công ty con	Thanh toán khác	23.781.298	23.232.965
		Lợi nhuận được nhận	50.441	50.441
Công ty TNHH MTV Sản xuất Máy Nông Nghiệp THACO		Thanh toán cho LC ủy thác	23.390.089	-
Công ty TNHH MTV Gia công Thép Chu Lai - Trường Hải	Công ty con	Lợi nhuận được nhận	13.744.371	32.844.829
		Thanh toán khác	-	15.433
Công ty TNHH Sản Xuất Máy lạnh THACO	Công ty con	Thanh toán cho LC ủy thác	13.246.644	29.795.346
		Thanh toán khác	29.589	2.772
Công ty TNHH MTV Sản xuất linh kiện composite Chu Lai Trường Hải	Công ty con	Lợi nhuận được nhận	13.167.851	18.091.738
		Thanh toán khác	5.341	50.199
Công ty TNHH MTV Vận tải Biển Chu Lai - Trường Hải	Công ty con	Lợi nhuận được nhận	13.125.495	16.105.506
Công ty TNHH MTV Sản xuất Ô tô Chuyên dụng Trường Hải	Công ty con	Lợi nhuận được nhận	12.725.064	12.879.395
		Thanh toán khác	352.646	154.136
Công ty TNHH MTV Sản xuất Linh kiện Nội thất Ô tô THACO	Công ty con	Lợi nhuận được nhận	12.654.085	17.819.909
		Thanh toán khác	163.664	27.046

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

32. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Ngàn VND				
Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu ngắn hạn khác (tiếp theo)				
Công ty TNHH MTV Cơ khí Chuyên dụng Bắc bộ Trường Hải	Công ty con	Lợi nhuận được nhận	11.263.535	13.185.183
Công ty TNHH MTV Trường Hải Quảng Bình	Công ty con	Lợi nhuận được nhận	6.112.936	-
		Thanh toán khác	3.547.227	-
Công ty TNHH MTV Huế Trường Hải	Công ty con	Lợi nhuận được nhận	8.242.740	-
		Thanh toán khác	140.688	-
Công ty Cổ phần Vũng Tàu Trường Hải	Công ty con	Lợi nhuận được nhận	8.122.320	9.122.320
		Thanh toán khác	29.047	45.708
Công ty TNHH Sản xuất và Lắp ráp Ô tô Du Lịch Trường Hải - KIA	Công ty con	Lợi nhuận được nhận	7.382.336	-
Công ty TNHH MTV Hóa chất Chuyên dụng Chu Lai - Trường Hải	Công ty con	Lợi nhuận được nhận	7.077.664	6.649.377
		Thanh toán khác	16.171	10.195
Công ty TNHH MTV Trường Phú	Công ty con	Thanh toán khác	6.995.602	9.088.145
Công ty TNHH MTV Sản Xuất Nhíp Ô Tô Chu Lai Trường Hải	Công ty con	Lợi nhuận được nhận	6.205.750	35.903.886
		Thanh toán khác	113.433	19.566
Công ty TNHH MTV Bắc Ninh Trường Hải	Công ty con	Lợi nhuận được nhận	3.192.416	3.755.788
		Thanh toán khác	16.058	42.333
Công ty TNHH MTV Sản xuất và Lắp ráp Ô tô Khách Trường Hải	Công ty con	Lợi nhuận được nhận	2.341.227	53.326.969
		Thanh toán khác	7.533	44.658
Công ty TNHH MTV Cơ khí Chu Lai Trường Hải	Công ty con	Lợi nhuận được nhận	1.857.247	13.192.846
		Thanh toán khác	-	112.891
Công ty TNHH MTV Thương mại Sản xuất Diêu Bông	Công ty con	Lợi nhuận được nhận	1.464.930	-
		Thanh toán khác	378.328	-
Công ty TNHH MTV Sản xuất và Lắp ráp Ô tô Tài Chu Lai Trường Hải	Công ty con	Thanh toán khác	386.812	-
		Cổ tức được nhận	-	393.631.525
		Thanh toán cho dự án FUSO	-	302.781.753

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

32. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Ngân VND				
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Phải thu ngắn hạn khác (tiếp theo)				
Công ty TNHH MTV Trường Hải Phú Yên	Công ty con	Thanh toán khác	56.736	46.836
Công ty TNHH MTV Sản xuất Ô tô Thaco - Mazda	Công ty con	Thanh toán cho LC ủy thác	-	439.813.920
Công ty TNHH Sản xuất và Lắp ráp Ô tô Cao cấp Thaco	Công ty con	Thanh toán khác	-	600
Công ty TNHH MTV Sản xuất và Lắp ráp Điện Lạnh Trường Hải	Công ty con	Lợi nhuận được nhận Thanh toán khác	- -	6.448.686 20.568
Công ty TNHH Thái Nguyên Trường Hải	Công ty con	Lợi nhuận được nhận	-	17.755
Khác	Công ty con	Thanh toán khác	1.252.994	2.071.604
TỔNG CỘNG			<u>2.787.161.457</u>	<u>2.881.192.005</u>
Phải thu dài hạn khác				
Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Đại Quang Minh	Công ty con	Ký quỹ thuê văn phòng Ứng tiền xây dựng văn phòng	12.570.995 -	- 1.381.968.705
TỔNG CỘNG			<u>12.570.995</u>	<u>1.381.968.705</u>
Phải trả người bán ngắn hạn				
Công ty TNHH MTV Phân phối Xe Ô tô Du lịch Chu Lai - Trường Hải	Công ty con	Mua hàng hóa	2.274.895.641	722.162.243
Công ty TNHH MTV Trường Hải Nghệ An	Công ty con	Mua hàng hóa	13.889.219	-
Công ty TNHH MTV Ô tô Trường Hải - Vĩnh Phúc	Công ty con	Mua hàng hóa	7.966.437	-
Công ty Cổ phần Vững Tàu Trường Hải	Công ty con	Mua hàng hóa	5.282.772	-
Công ty Cổ phần Xây dựng và Vật tư Thiết bị	Công ty con	Mua hàng hóa	5.087.158	-
Công ty TNHH MTV Trường Hải - Bình Dương	Công ty con	Mua hàng hóa	5.072.164	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

32. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

				Ngàn VND	
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>	
Phải trả người bán ngắn hạn (tiếp theo)					
Công ty TNHH MTV Trường Phú	Công ty con	Mua hàng hóa	4.661.453	-	
Công ty TNHH MTV Sản xuất Ô tô Chuyên dụng Trường Hải	Công ty con	Mua hàng hóa	4.012.656	4.812.588	
Công ty TNHH MTV Truyền thông Đa Phương tiện Trường Hải	Công ty con	Sử dụng dịch vụ	3.573.814	1.416.116	
Công ty TNHH MTV Thương mại Dịch vụ Vận tải Trường Hải - Bình Phước	Công ty con	Mua hàng hóa	2.798.634	-	
Công ty TNHH MTV Huế Trường Hải	Công ty con	Mua hàng hóa	2.351.626	-	
Công ty TNHH MTV Cơ khí Chuyên dụng Bắc bộ Trường Hải	Công ty con	Mua hàng hóa	668.890	1.568.590	
Công ty TNHH Phân Phối Ô tô Tải - Bus Trường Hải	Công ty con	Mua hàng hóa	-	682.309.883	
Khác	Công ty con	Mua hàng hóa	2.887.659	6.281.952	
TỔNG CỘNG			2.333.148.123	1.418.551.372	
Người mua trả tiền trước ngắn hạn					
Công ty TNHH MTV Phân phối Ô tô Du Lịch Chu Lai - Trường Hải	Công ty con	Ứng tiền mua hàng hóa	2.464.924.328	271.474.392	
Công ty TNHH MTV Trường Hải Quảng Bình	Công ty con	Ứng tiền mua hàng hóa	50.000	-	
Công ty TNHH Phân phối Ô tô Tải - Bus Trường Hải	Công ty con	Ứng tiền mua hàng hóa	3.889	-	
TỔNG CỘNG			2.464.978.217	271.474.392	
Vay ngắn hạn					
Công ty TNHH MTV Phân phối Ô tô Du lịch Chu Lai Trường Hải	Công ty con	Vay	3.189.630.000	-	
Công ty TNHH Sản xuất và Lắp ráp Ô tô Cao cấp Thaco	Công ty con	Vay	1.723.090.000	-	
Công ty TNHH Sản xuất và Lắp ráp Ô tô Du Lịch Trường Hải - KIA	Công ty con	Vay	272.289.195	-	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

32. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Ngàn VND	
			Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngắn hạn (tiếp theo)				
Công ty Cổ Phần Trường Hải Đức Thành	Công ty con	Vay	29.000.000	-
Công ty TNHH MTV Sản xuất và Lắp ráp Ô tô khách Trường Hải	Công ty con	Vay	-	160.000.000
TỔNG CỘNG			5.214.009.195	160.000.000
Phải trả người bán ngắn hạn khác				
Công ty TNHH MTV Sản xuất và Lắp ráp Ô tô Tải Chu Lai Trường Hải	Công ty con	Thu khác	98.848.911	-
Công ty TNHH MTV Phụ Tùng Trường Hải	Công ty con	Thu khác	30.002.636	30.002.636
Công ty TNHH Sản xuất và Lắp ráp Ô tô Cao cấp Thaco	Công ty con	Thu khác Lãi vay phải trả	- 20.609.701	139.941.531
Công ty TNHH MTV Phân phối Ô tô Du lịch Chu Lai Trường Hải	Công ty con	Lãi vay phải trả	14.337.475	-
Công ty TNHH Sản xuất và Lắp ráp Điện lạnh Trường Hải	Công ty con	Thu khác	9.687.772	-
Công ty TNHH MTV Sản xuất Ô tô Thaco - Mazda	Công ty con	Thu khác	1.128.981	-
Trường Cao Đẳng THACO	Công ty con	Thu khác	772.311	6.841.297
Công ty TNHH Sản xuất và Lắp ráp Ô tô Du Lịch Trường Hải - KIA	Công ty con	Thu khác	-	35.445.781
Khác	Công ty con	Thu khác	1.262.324	115.609
TỔNG CỘNG			176.650.111	212.346.854

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc:

	Ngàn VND	
	Năm nay	Năm trước
Lương và thưởng	28.266.756	29.725.006

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

33. CÁC CAM KẾT

Cam kết thuê hoạt động

Công ty hiện đang thuê một số văn phòng, phòng trưng bày, mặt bằng và đất theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2018, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	Ngàn VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Dưới 1 năm	71.764.009	34.172.380
Trên 1 – 5 năm	243.524.947	62.580.260
Trên 5 năm	166.303.724	229.266.307
TỔNG CỘNG	481.592.680	326.018.947

Các cam kết về góp vốn

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty có các cam kết góp vốn vào các công ty con với tổng giá trị là 1.574.217.123 ngàn VND (ngày 31 tháng 12 năm 2017: 3.319.345.186 ngàn VND).


Các cam kết liên quan đến các chi phí đầu tư lớn


Vào ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty có khoản cam kết trị giá 828.161.967 ngàn VND (ngày 31 tháng 12 năm 2017: 172.245.531 ngàn VND) chủ yếu liên quan đến việc xây dựng và phát triển các phòng trưng bày và trung tâm thương mại xe.

34. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông số 01/2019/NQ-ĐHĐCĐ/THACO ngày 6 tháng 3 năm 2019, cổ đông của Công ty đã thống nhất thông qua kế hoạch phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho cổ đông chiến lược. Theo đó, Công ty dự kiến phát hành 30.304.143 cổ phiếu cho Jardine Cycle & Carriage Limited với giá phát hành là 128.500 VND/cổ phiếu. Số tiền thu được từ đợt phát hành này dự kiến sẽ sử dụng đầu tư sản xuất kinh doanh ô tô, đầu tư hạ tầng khu công nghiệp và đầu tư lĩnh vực nông nghiệp.

Ngoài sự kiện nêu trên, không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty.


Đỗ Thị Liên Chi
Người lập


Nguyễn Hoàng Phi
Kế toán trưởng


Trần Bá Dương
Chủ tịch



Ngày 29 tháng 3 năm 2019